

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Danh Văn Hoàng

+ Ông Bùi Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp Thái Q, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Sau thời gian quen biết, bà và ông Nguyễn Văn T quyết định tiến đến hôn nhân vào năm 2016, không tổ chức đám cưới, ngày 07/3/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An. Sau khi cưới ông bà sống tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng bà sống hòa thuận, hạnh phúc hơn 02 năm thì ông T bị tai nạn xe, chấn thương cột sống, bà đã chăm sóc ông T đến năm 2021 thì các con của ông T đưa ông T về nhà tại ấp R, xã T, huyện V

chăm sóc nên bà và ông T sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà và ông Nguyễn Văn T không có con chung.

Về tài sản: Giữa bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung.

Về nợ: Giữa bà và ông Nguyễn Văn T không có không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2023:

Ông và bà Trần Thị B là vợ chồng, có quen biết, tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Long An. Ông bà làm ăn sinh sống tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Đến cuối năm 2017 đến năm 2018 thì ông bị tai nạn, bà B chăm sóc ông được 01 năm thì các con đưa ông về nhà chăm sóc cho đến nay. Trong quá trình sống chung giữa ông và bà B không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Trước yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị B ông đồng ý vì không còn sống chung, không có gì ràng buộc và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét về hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/3/2016, đây là hôn nhân hợp pháp nên đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân gia đình. Xét thấy, kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà Bống đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà B ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà B vẫn kiên quyết ly hôn; Trước yêu cầu của bà B ông Nguyễn Văn T đồng ý theo yêu cầu của bà B; Mặt khác, giữa bà B ông T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do đó, căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà B ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về hôn nhân: Giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[4] Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm với nhau nhưng bà Trần Thị B cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, ông Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn T là có thật và thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị B, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về nợ: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn T xác định không có nợ nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị B chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về hôn nhân: Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003969 ngày 10/5/2023 sang tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND xã Thái Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The